

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Tường

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị L, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm D, Tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn T, sinh năm 1994, địa chỉ: Xóm D, Tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị L và anh T đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2026; bản trình bày đề ngày 17/4/2026, nguyên đơn chị Hồ Thị L trình bày:

Chị và anh Ngô Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Đ (nay là phường S), tỉnh Quảng Ngãi ngày 01/10/2020. Trong quá trình chung sống, chị và anh Ngô Văn T luôn xảy ra nhiều

mâu thuẫn không thể giải quyết được, anh T thường xuyên đi nhậu, say xỉn nên chị và anh T hay cãi nhau. Hiện nay chị và anh T đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Do đó, để có cuộc sống bình yên, lo làm ăn nuôi con nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Văn T.

Về con chung: Chị và anh Ngô Văn T có 02 (hai) con chung là Ngô Ngọc An N, sinh ngày 01/02/2021 và Ngô An T1, sinh ngày 14/12/2023. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu Ngô Ngọc An N cho anh T nuôi dưỡng; giao cháu Ngô An T1 cho chị nuôi dưỡng; chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản trình bày đề ngày 11/6/2026, bị đơn anh Ngô Văn T trình bày:

Anh và chị Hồ Thị L mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng nên chị L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị L có 02 (hai) con chung là Ngô Ngọc An N, sinh ngày 01/02/2021 và Ngô An T1, sinh ngày 14/12/2023. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Ngô Ngọc An N và đồng ý giao cháu Ngô An T1 cho chị L nuôi dưỡng; anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị L. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị L được ly hôn anh Ngô Văn T; về con chung: Giao con chung Ngô Ngọc An N, sinh ngày 01/02/2021 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Ngô An T1, sinh ngày 14/12/2023 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T trình bày không có nên không xem xét. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị [Hò Thị L](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh [Ngô Văn T](#). Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh [Ngô Văn T](#) có nơi cư trú tại [Tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi](#). Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Nguyên đơn chị [Hò Thị L](#) và bị đơn anh [Ngô Văn T](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Hò Thị L](#) và anh [Ngô Văn T](#) tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Đ \(nay là phường S\), tỉnh Quảng Ngãi](#) ngày 01/10/2020. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị [L](#) và anh [T](#) là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị [Hò Thị L](#), Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị [L](#), anh [T](#) thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, dẫn đến vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Chị [L](#) xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết yêu cầu được ly hôn; anh [T](#) cũng cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị [Hò Thị L](#) và anh [Ngô Văn T](#) đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn. Do đó, việc chị [L](#) yêu cầu được ly hôn anh [T](#) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo ý kiến trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định: Chị [Hò Thị L](#) và anh [Ngô Văn T](#) có 02 (hai) con chung là [Ngô Ngọc An N](#), sinh ngày 01/02/2021 và [Ngô An T1](#), sinh ngày 14/12/2023. Quá trình giải quyết vụ án, chị [L](#) và anh [T](#) đều thống nhất yêu cầu Tòa án giao con chung [Ngô Ngọc An N](#) cho anh [T](#) trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung [Ngô An T1](#) cho chị [L](#) trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu [Ngô Ngọc An N](#) đang sống với anh [T](#), cháu [Ngô An T1](#) đang sống với chị [L](#). Việc yêu cầu về nuôi con như đã nêu trên của chị [L](#) và anh [T](#) là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi cho các con chung của chị [L](#) và anh [T](#) nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị L và anh T đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị L và anh Ngô Văn T trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Hồ Thị L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, các Điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị L được ly hôn anh Ngô Văn T.

2. Về con chung: Chị Hồ Thị L và anh Ngô Văn T có 02 (hai) con chung là Ngô Ngọc An N, sinh ngày 01/02/2021 và Ngô An T1, sinh ngày 14/12/2023.

Giao con chung Ngô Ngọc An N cho anh Ngô Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung Ngô An T1 cho chị Hồ Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng cho con: Chị L và anh T đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị L và anh Ngô Văn T trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Hồ Thị L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng)

tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chi [L](#) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001363 ngày 02/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV 6 – Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND phường Sa Huỳnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong